



**CÔNG TY TNHH TM VINH XUÂN**

748A Nguyễn Văn Linh - Lê Chân - Hải Phòng

ĐT: 0313.700499 - FAX: 0313.786329

MST : 0201201066 - Hotline : 0169.899.6688

Email: vinhxuan.vnn@gmail.com Website: www.nhuavinhxuan.com

## Ống Nhựa uPVC Độ Nhất - Sau VAT

Có hiệu lực từ ngày 01/04/2013)

Tên Q.Cách (mm)	Thoát			Class 0			Class 1			Class 2			Class 3		
	Đ.dày (mm)	PN bar	Đơn Giá (Đ/m)	Đ.dày (mm)	PN bar	Đơn Giá (Đ/m)	Đ.dày (mm)	PN bar	Đơn Giá (Đ/m)	Đ.dày (mm)	PN bar	Đơn Giá (Đ/m)	Đ.dày (mm)	PN bar	Đơn Giá (Đ/m)
Ø 21	1,00	4,0	5.720	1,20	10,0	7.040	1,50	12,5	7.590	1,70	16,0	9.350	2,40	25,0	11.000
Ø 27	1,00	4,0	7.150	1,30	10,0	9.020	1,50	12,5	10.560	1,90	16,0	11.770	3,00	25,0	16.500
Ø 34	1,00	4,0	9.350	1,40	8,0	11.000	1,60	10,0	13.310	2,10	12,5	16.280	2,60	16,0	18.590
Ø 42	1,20	4,0	13.860	1,50	6,0	15.620	1,80	8,0	18.260	2,10	10,0	20.790	2,60	12,5	24.420
Ø 48	1,40	5,0	16.280	1,60	6,0	19.030	2,00	8,0	21.670	2,40	10,0	25.080	3,00	12,5	30.360
Ø 60	1,40	4,0	21.010	1,50	5,0	25.300	1,80	6,0	30.800	2,40	8,0	35.860	3,00	10,0	43.340
Ø 63							1,90	6,0	29.260	2,40	8,0	36.520	3,00	10,0	45.760
Ø 75	1,50	4,0	29.590	1,80	5,0	34.540	2,20	6,0	39.600	2,90	8,0	51.040	3,60	10,0	63.140
Ø 76							2,20	6,0	43.560	3,00	8,0	52.360	3,60	10,0	66.330
Ø 90	1,50	3,0	36.190	1,70	4,0	41.250	2,20	5,0	48.290	2,70	6,0	57.750	3,50	8,0	73.370
Ø 110	1,90	3,0	54.560	2,20	4,0	61.710	2,70	5,0	71.940	3,20	6,0	82.830	4,20	8,0	114.730
Ø 125							3,10	5,0	88.990	3,70	6,0	105.490	4,80	8,0	133.760
Ø 140							3,50	5,0	106.480	4,10	6,0	133.540	5,40	8,0	163.350
Ø 160							4,00	5,0	148.060	4,70	6,0	173.360	6,20	8,0	225.610
Ø 200							4,90	5,0	227.260	5,90	6,0	269.940	7,70	8,0	351.450
Ø 225							5,50	5,0	284.240	6,60	6,0	339.460	8,60	8,0	441.760
Ø 250							6,20	5,0	358.930	7,30	6,0	417.450	9,60	8,0	547.360
Ø 280							6,90	5,0	447.040	8,20	6,0	524.260	10,70	8,0	683.760
Ø 315							7,70	5,0	539.220	9,20	6,0	660.330	12,10	8,0	863.060
Ø 355							8,70	5,0	724.020	10,40	6,0	861.300	13,60	8,0	1.110.120
Ø 400							9,80	5,0	900.240	11,70	6,0	1.060.510	15,30	8,0	1.578.500
Ø 450							11,00	5,0	1.262.360	13,20	6,0	1.695.540	17,20	8,0	1.944.250
Ø 500				9,80	4,0	1.409.980	12,30	5,0	1.787.060	14,60	6,0	2.119.700			
Ø 630							15,40	5,0	2.424.510	18,40	6,0	2.940.630			

Tên Q.Cách (mm)	Class 4			Class 5			Class 6			Class 7		
	Đ.dày (mm)	PN bar	Đơn Giá (Đ/m)	Đ.dày (mm)	PN bar	Đơn Giá (Đ/m)	Đ.dày (mm)	PN bar	Đơn Giá (Đ/m)	Đ.dày (mm)	PN bar	Đơn Giá (Đ/m)
Ø 34	3,80	25,0	27.500									
Ø 42	3,20	16,0	30.250	4,70	25,0	40.590						
Ø 48	3,70	16,0	38.170									
Ø 60	3,80	12,5	54.340	4,50	16,0	65.340						
Ø 63	3,80	12,5	56.650									
Ø 75	4,50	12,5	79.530	5,50	16,0	96.030						
Ø 90	4,30	10,0	91.080	5,40	12,5	112.970	6,60	16,0	136.620			
Ø 110	5,30	10,0	137.280	6,60	12,5	169.620	8,10	16,0	205.480	12,30	25,0	292.380
Ø 125	6,00	10,0	168.410	7,40	12,5	206.580	9,20	16,0	253.440	14,00	25,0	361.900
Ø 140	6,70	10,0	210.210	8,30	12,5	240.900	10,30	16,0	295.790			
Ø 160	7,70	10,0	275.440	9,50	12,5	338.140	11,80	16,0	383.900			
Ø 200	9,60	10,0	427.570	11,90	12,5	531.190						
Ø 225	10,80	10,0	539.880	13,40	12,5	670.340	16,60	16,0	744.040			
Ø 250	11,90	10,0	660.660	14,80	12,5	825.440						
Ø 280	13,40	10,0	833.470	16,60	12,5	1.028.500	20,60	16,0	1.158.300			
Ø 315	15,00	10,0	1.047.200	18,70	12,5	1.195.480	23,20	16,0	1.464.430			
Ø 355	16,90	10,0	1.364.990									
Ø 400	19,10	10,0	1.692.900									
Ø 450	21,50	10,0	2.290.200									
Ø 500	23,90	10,0	3.410.440									
Ø 630	30,00	10,0	4.703.820									

**Ghi chú:**

- Các quy cách trên đã bao gồm một đầu nong sẵn dùng để dán keo hoặc nối gioăng.
- Các quy cách khác có thể có, vui lòng liên lạc với Công Ty TNHH TM Vinh Xuân